

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04 - 5 - 2021  
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Minh Thuận**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hành**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lý Thị Qual** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Kiến Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

**- Bị đơn:** Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày:**

Vào năm 2007, gia đình hai bên tổ chức cho bà Phạm Thị Thu T với ông Phạm Văn T1. Bà T ông T1 có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển 01, ngày 10/8/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T ông T1 sinh sống hạnh phúc tại nhà số 50, ấp B, xã C, huyện Gò Công Tây. Đến năm 2017, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cự cãi nhau, không hợp nhau và không có khả năng đoàn tụ. Từ năm 2017 bà T ông T1 sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T ông T1

có hai người con chung tên Phạm Tân Nhựt H, sinh ngày 14/3/2007 và Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 hiện đang sống cùng với bà T.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Nay Bà Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thu T tên Phạm Tân Nhựt H, sinh ngày 14/3/2007 và Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Thu T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Thu T và Phạm Văn T1 (bản sao chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phạm Văn Đồ (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân thị xã Thanh Nhựt cấp ngày 10/8/2007;

+ Bản trích lục giấy khai sinh mang tên Phạm Tân Nhựt H và Phạm Tân Nhật L;

+ Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao do bà Phạm Thị Thu T lập.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 và Phạm Tân Nhựt H, sinh ngày 14/3/2007 để xem xét nguyện vọng: Cả hai cháu Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhựt H có nguyện vọng được sống cùng với cha là bà Phạm Thị Thu T trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn T1. Nhưng ông Phạm Văn T1 thường xuyên không có mặt tại nhà và được ông Phạm Văn Đồ là cha ruột có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án đã thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Phạm Văn T1 không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 01/3/2021 bà Phạm Thị Thu T có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Văn T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu T cho vợ chồng bà Phạm Thị Thu T ông Phạm Văn T1 ly hôn. Về con chung giao cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Phạm Thị Thu T xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/10/2020, bà Phạm Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn T1 có nơi cư trú tại ấp D, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào các điều 227, 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, gia đình hai bên tổ chức cho bà Phạm Thị Thu T với ông Phạm Văn T1. Bà T ông T1 có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển 01, ngày 10/8/2007. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Văn T1 là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Phạm Thị Thu T: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T ông T1 sinh sống hạnh phúc tại nhà số 50, ấp B, xã C, huyện Gò Công Tây. Đến năm

2017, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cự cãi nhau, không hợp nhau và không có khả năng đoàn tụ. Từ năm 2017 bà T ông T1 sống ly thân cho đến nay. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Tất cả các lần chỉ có nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T có mặt, nhưng ông Phạm Văn T1 đều vắng mặt. Từ những phân tích trên có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thu T, ông Phạm Văn T1 đã không còn quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T cho bà Phạm Thị Thu T được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/8/2007 của bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Văn T1 sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu T xác định vợ chồng có hai người con chung tên: Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 và Phạm Tân Nhựt H, sinh ngày 14/3/2007, hiện nay con chung do bà Phạm Thị Thu T nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với các giấy khai sinh mang tên Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhựt H thể hiện là con chung của bà Phạm Thị Thu T, ông Phạm Văn T1.

[3.5] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Thu T được nuôi hai con chung tên Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 và Phạm Tân Nhựt H, sinh ngày 14/3/2007 đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhựt H có nguyện vọng sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn. Ông Phạm Văn T1 cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhựt H cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Phạm Thị Thu T đã tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhựt H. Bà T cung cấp thông tin hiện tại đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương có mức thu nhập hiện tại hằng tháng ổn định khoảng 7.000.000 đồng đủ khả năng nuôi dưỡng hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[3.7] Bên cạnh đó ông Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Phạm Thị Thu T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Phạm Thị Thu T, ông Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T được ly hôn với ông Phạm Văn T1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu T ông Phạm Văn T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/8/2007 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Phạm Tân Nhật L, sinh ngày 05/12/2009 và Phạm Tân Nhật H, sinh ngày 14/3/2007 (hiện nay Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhật H đang sống chung với bà Phạm Thị Thu T) cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng cho con chung là Phạm Tân Nhật L và Phạm Tân Nhật H. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Phạm Văn T1 mà không ai được cản trở. Ông Phạm Văn T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Phạm Thị Thu T.

3/ Về tài sản chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005728, ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà Phạm Thị Thu T đã thực hiện xong). Ông Phạm Văn T1 không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**